

KẾT QUẢ GỬI ĐĂNG TẠP CHÍ Y HỌC DỰ PHÒNG

SỐ ĐẶC BIỆT

HỘI NGHỊ KHOA HỌC Y HỌC DỰ PHÒNG NĂM 2015

“Nghiên cứu khoa học vì sức khỏe cộng đồng”

HỘI Y HỌC DỰ PHÒNG VIỆT NAM

Tạp chí Y học dự phòng

Tập XXV, số 5 (165) 2015

Số đặc biệt

Hội nghị khoa học y tế dự phòng năm 2015

“Nghiên cứu khoa học vì sức khỏe cộng đồng”

➤ CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU – ORIGINAL PAPERS

Tất cả các bài báo được in trong mục này đã được hai phản biện kín cho mỗi bài

CHƯƠNG 1:

SỐT XUẤT HUYẾT VÀ CÁC BỆNH TRUYỀN NHIỄM MỚI NỔI

HEMORRHAGIC FEVER AND EMERGING INFECTIOUS DISEASES

1. Diễn tiến và đặc điểm dịch tễ bệnh sốt xuất huyết dengue tại khu vực phía Nam, 1975 – 2014.

Dengue situation and epidemiological features in the South of Vietnam 1975 - 2014

Lương Chấn Quang, Đỗ Kiến Quốc, Phạm Thị Thúy Ngọc, Vũ Thiên Thu Ngừ, Diệp Thanh Hải, Nguyễn Thanh Vũ, Nguyễn Thị Thanh Thảo, Võ Tố Quyên, Nguyễn Trọng Toàn, Trần Anh Tuấn, Phan Văn Tính, Vũ Thị Quế Hương, Cao Minh Thắng, Hoàng Thị Như Đào, Đoàn Thị Minh Tâm, Nguyễn Thị Công Dung, Lý Huỳnh Kim Khánh, Lê Thanh Tùng, La Hoàng Huy, Ngô Minh Danh, Phan Trọng Lân.

2. Thực trạng số liệu giám sát dịch tuần bệnh sốt xuất huyết dengue tại khu vực phía nam, 2005 – 2014.

Dengue weekly surveillance data in the South of Vietnam 2005 - 2014

Đỗ Kiến Quốc, Lương Chấn Quang, Võ Tố Quyên, Nguyễn Thị Thanh Thảo, Diệp Thanh Hải, Nguyễn Thanh Vũ, Phan Trọng Lân.

3. Hoạt động mô hình cộng tác viên phòng chống sốt xuất huyết dengue khu vực phía Nam năm 2014.

Activities of health workers for preventing dengue hemorrhagic fever in Southern Vietnam in 2014

Nguyễn Thị Thanh Thảo, Đỗ Kiến Quốc, Diệp Thanh Hải, Nguyễn Thanh Vũ, Lý Huỳnh Kim Khánh, La Hoàng Huy, Ngô Minh Danh, Lê Nguyễn Thùy Duy, Lương Chấn Quang.

4. Nghiên cứu mối liên quan của yếu tố thời tiết và sốt xuất huyết Dengue tại tỉnh Đồng Nai 2004-2014

Study of relationship between weather factors and dengue hemorrhagic fever in Dong Nai, 2004-2014

Trần Minh Hòa, Cao Trọng Ngưỡng, Nguyễn Nhật Châu

5. Giám sát vi rút học bệnh sốt xuất huyết dengue trong Chương trình Mục tiêu quốc gia phòng chống sốt xuất huyết Dengue tại khu vực phía Nam Việt Nam trong giai đoạn 2005 – 2014.

Dengue virus surveillance in the National program for dengue prevention and control in Southern Vietnam during 2005-2014

Cao Minh Thắng, Vũ Thiên Thu Ngừ, Huỳnh Phương Thảo, Hoàng Thị Như Đào, Nguyễn Phúc Hiến, Nguyễn Thị Công Dung, Bùi Chí Tâm, Lê Minh Hiếu, Huỳnh Thị Kim Loan, Lương Chấn Quang, Diệp Thanh Hải, Phan Trọng Lân, Vũ Thị Quế Hương,

6. Phân tích di truyền của vi rút dengue lưu hành ở khu vực phía Nam năm 2014 – 2015.

Genetic analysis of dengue viruses circulating in southern Vietnam during 2014-2015

Vũ Thiên Thu Ngừ, Phạm Thị Thu Hằng, Hoàng Thị Như Đào, Huỳnh Phương Thảo, Cao Minh Thắng, Nguyễn Thị Công Dung, Lê Minh Hiếu, Vũ Đình Luân, Bùi Chí Tâm, Huỳnh Thị Kim Loan, Vũ Thị Quế Hương

7. Kết quả giám sát vi rút – huyết thanh học bệnh sốt xuất huyết dengue tại 16 huyện trọng điểm khu vực phía Nam Việt Nam, 07/2012 – 12/2014.

The result of viro-serological surveillance on dengue hemorrhagic fever at 16 sentinel districts in southern Vietnam, July 2012 – December 2014

Bùi Chí Tâm, Nguyễn Hoàng Quân, Đào Huy Mạnh, Lê Minh Hiếu, Nguyễn Thị Công Dung, Hoàng Thị Như Đào, Vũ Thiên Thu Ngừ, Huỳnh Phương Thảo, Đoàn Thị Minh Tâm, Nguyễn Phúc Hiến, Phạm Thị Thu Hằng, Nguyễn Thanh Vũ, Diệp Thanh Hải, Lương Chấn Quang, Huỳnh Thị Kim Loan, Cao Minh Thắng, Trần Ngọc Hữu, Phan Trọng Lân, Vũ Thị Quế Hương

8. Ứng dụng kỹ thuật RT-PCR và Real-time RT-PCR trong chẩn đoán bệnh sốt Dengue/sốt xuất huyết Dengue tại tỉnh Tiền Giang

Application of RT-PCR and Real-time RT-PCR in diagnosis of dengue fever/dengue hemorrhagic fever in Tien Giang province

Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Thị Như Mai, Vũ Thị Quế Hương

9. Thẩm định phương pháp RT-PCR chẩn đoán sốt xuất huyết dengue thông qua chương trình ngoại kiểm sinh học phân tử của Tổ chức Y tế Thế giới, năm 2014.

Verification of RT-PCR method in Dengue hemorrhagic fever diagnosis through World Health Organization External Quality Assurance Program on molecular biology in 2014

Phạm Thị Thu Hằng, Cao Minh Thắng, Huỳnh Thị Kim Loan, Vũ Thiên Thu Ngừ, Huỳnh Phương Thảo, Bùi Chí Tâm, Hoàng Thị Như Đào, Nguyễn Hoàng Quân, Lê Minh Hiếu, Vũ Thị Quế Hương.

10. Điều tra và giám sát vi rút Hantaan trên người và động vật khu vực phía Nam Việt Nam, 2012 – 2014.

Hantavirus investigation and surveillance in human and rodents in southern Vietnam during 2012-2014

Nguyễn Thế Phúc, Bùi Chí Tâm, Vũ Thị Quế Hương

11. Ứng dụng các quy trình RT-PCR phát hiện bộ gen vi rút Ebola trên bộ mẫu ARN vi rút chứng dương.

Application of RT-PCR methods for detecting Ebolavirus using positive RNA panels.

Nguyễn Thị Công Dung, Phạm Thị Thu Hằng, Bùi Chí Tâm, Huỳnh Phương Thảo, Vũ Thiên Thu Ngừ, Vũ Thị Quế Hương

12. Đánh giá hiệu lực của chất điều hòa tăng trưởng côn trùng Pyriproxyfen trên lăng quăng *Aedes aegypti* tại thực địa hẹp năm 2013

Evaluating effectivity of Pyriproxyfen, insect growth regulator, on *Aedes aegypti* mosquito larvae in a small scale field, 2013

Nguyễn Huỳnh Trang Thi, Trần Thị Loan, Lê Nguyễn Thùy Duy, La Hoàng Huy, Ngô Xuân Sỹ, Nguyễn Văn Trọng, Lý Huỳnh Kim Khánh, Phan Trọng Lân

13. Thành phần loài muỗi *Culex* có khả năng truyền vi rút viêm não Nhật Bản ở các ổ dịch tại Bến Tre năm 2013 – 2014.

The *Culex* mosquito species can transmit Japanese encephalitis virus in epidemic areas in Ben Tre province from 2013 to 2014

La Hoàng Huy, Phạm Thị Thúy Ngọc, Nguyễn Huỳnh Trang Thi, Ngô Minh Danh, Lê Thanh Tùng, Lê Nguyễn Thùy Duy, Lý Huỳnh Kim Khánh

14. Đặc điểm dịch tễ bệnh liên cầu lợn ở người tại khu vực phía Nam, năm 2013.

Epidemiological characteristics of human *Streptococcus suis* in the South of Vietnam, 2013

Nguyễn Thị Phương Thúy, Đoàn Ngọc Minh Quân, Hoàng Thị Liên, Phan Công Hùng, Phan Trọng Lân.

15. Thẩm định và ứng dụng phương pháp realtime PCR gen mục tiêu *ssrA* phát hiện *Bartonella* trên mẫu máu động vật gặm nhấm.

Verification and application of real-time PCR assay targeting *ssrA* gene for detection of *Bartonella* species from rodent blood sample

Lê Ngọc Phương Thanh, Hoàng Kim Loan, Trịnh Khánh Vy, Lạc Ngọc Thêm, Nguyễn Việt Chánh, Vũ Thị Quế Hương

16. Sự lưu hành và genotype của *Rotavirus* gây bệnh tiêu chảy tại Bệnh viện Nhi đồng 1 TP. Hồ Chí Minh, 2012 – 2014.

Circulation and genotype of *Rotavirus* causing diarrhea in Children hospital No.1, Ho Chí Minh city, 2012-2014

Phạm Mai Thùy Trang, Nguyễn Thị Ngọc Phương, Vũ Thị Huyền Trang, Nguyễn Trung Kiên, Trần Quốc Khánh, Đặng Thị Nguyệt, Nguyễn Thị Thanh Thảo

17. Sự lưu hành của các vi rút đường ruột khác không phải vi rút đường ruột tuýp 71 gây bệnh nặng và tử vong trong vụ dịch tay chân miệng khu vực phía Nam, 2011 – 2014.

Circulation of the other enteroviruses – non enterovirus 71 causing severe cases and deaths in hand, foot and mouth outbreak in southern Vietnam during 2011-2014

Vũ Thị Huyền Trang, Nguyễn Trung Kiên, Phạm Mai Thùy Trang, Trần Quốc Khánh, Đặng Thị Nguyệt, Nguyễn Ngọc Minh Tâm, Nguyễn Thị Thanh Thảo

18. Xây dựng quy trình xét nghiệm chẩn đoán phát hiện đồng thời EV71 và CA16 bằng kỹ thuật Multiplex RT-PCR

Establish the simultaneous detection procedures for *Enterovirus* type 71 and *Coxsackievirus* A-16 by multiplex RT-PCR

Lê Thị Thảo Em, Nguyễn Thị Thanh Thảo, Vũ Thị Quế Hương, Nguyễn Thị Như Mai.

19. Xây dựng quy trình xét nghiệm chẩn đoán *Coxsackievirus* A16 bằng kỹ thuật PCR từ bệnh phẩm nghi tay chân miệng.

Development of a polymerase chain reaction assay for identification of *Coxsackievirus* A-16 from clinical specimens of hand, foot and mouth diseases.

Lê Thị Kim Trang, Trịnh Thị Xuân Mai, Huỳnh Kim Mai, Lâm Tú Quỳnh, Diệp Thùy Dung, Trịnh Hoàng Long, Hoàng Thị Ngọc Anh.

20. Hiệu quả trung hòa *Enterovirus* 71 (EV71) của kháng thể IgY thu nhận từ lòng đỏ trứng gà.

The neutralization efficiency of chicken egg yolk immunoglobulines (IgY) against human enterovirus type 71

Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh, Nguyễn Thị Thanh Trúc, Đặng Trịnh Minh Anh, Nguyễn Văn Khoa, Trần Thị Bích Phương, Nguyễn Thị Hạnh Lan, Lê Phan Khôi Nguyên, Lê Hà Tâm Dương, Hoàng Ngọc Khánh Quỳnh, Lê Thị Liên, Nguyễn Thị Yến Nhi, Nguyễn Thị Thanh Thảo, Cao Thị Bảo Vân.

21. Dòng hóa gen VP1 của *Enterovirus 71* vào vector biểu hiện pET SUMO.

Cloning VP1 gene of *Enterovirus 71* into pET SUMO expression vector

Nguyễn Danh Lâm, Nguyễn Văn Khoa, Cao Thị Bảo Vân.

22. Khảo sát đặc điểm một số trường hợp viêm não màng não do *Echovirus* tuýp 30 ở khu vực phía Nam Việt Nam, 2003 – 2014.

Characteristic investigation of some meningo-encephalitis cases causing by echovirus type 30 in Southern Vietnam, 2003-2014

Nguyễn Trung Kiên, Vũ Thị Huyền Trang, Phạm Mai Thùy Trang, Trần Quốc Khánh, Đặng Thị Nguyệt, Nguyễn Thị Ngọc Phương, Trương Hữu Khanh, Đỗ Châu Việt, Trần Thị Thúy, Phan Công Hùng, Nguyễn Thị Thanh Thảo.

23. Xét nghiệm chẩn đoán thứ tự vi rút cúm A/H1p và A/H3 bằng kỹ thuật duplex reverse transcription – Polymerase Chain Reaction

Identifying the subtypes of influenza virus A/H1p and A/H3 by using duplex reverse-transcription – polymerase chain reaction.

Hoàng Minh, Nguyễn Thanh Long, Vũ Thị Quế Hương

24. Đặc điểm di truyền gen HA và NA của vi rút cúm gia cầm A/H9N2 phân lập tại miền Nam Việt Nam, năm 2014.

Genetic characterization of HA and NA genes of H9N2 avian influenza virus isolated in Southern Vietnam in 2014

Lê Phan Khôi Nguyên, Lê Hà Tâm Dương, Trần Sĩ Nghị, Võ Trần Ngọc Trinh, Trương Thị Thu, Mai Văn Nam, Nguyễn Văn Khoa, Đặng Trịnh Minh Anh, Hoàng Ngọc Khánh Quỳnh, Nguyễn Thị Hạnh Lan, Nguyễn Thị Yến Nhi, Cao Thị Bảo Vân.

25. Biểu hiện protein Hemagglutinin của vi rút cúm A/H5N1 trên hệ thống *Baculovirus* trong tế bào Sf9 (*Spodoptera frugiperda*) nuôi cấy huyền phù.

Expression of hemagglutinin protein from the A/H5N1 influenza virus in *Baculovirus* /*Spodoptera frugiperda* (Sf-9) system by suspension cultures.

Phạm Thanh Hồng, Nguyễn Văn Khoa, Cao Thị Bảo Vân.

26. Đánh giá kết quả xét nghiệm bệnh sốt mò do *Rickettsia tsutsugamushi* gây nên tại tỉnh khánh hòa, giai đoạn 2013-2014

Evaluation for test results of scub typhus caused by *Rickettsia tsutsugamushi* in khanh hoa province, during 2013-2014.

Viên Quang Mai, Ngô Thị Quyết, Nguyễn Đình Huy, Trịnh Hoàng Long, Nguyễn Đức Duy, Nguyễn Bảo Triệu*

CHƯƠNG 2:

HIV, BỆNH LÂY QUA ĐƯỜNG TÌNH DỤC (STI) VÀ VIÊM GAN HIV, STI AND HEPATITIS

27. Đặc điểm sinh học và tình hình kháng thuốc ARV ở trẻ em nhiễm HIV ở thời điểm bắt đầu trị tại hai bệnh viện Nhi đồng 1 và 2 TP. Hồ Chí Minh

Biological characteristics and HIV drug resistance among children at the beginning of ARV treatment at two children hospitals No.1 and No.2 in Ho Chi Minh city

Trần Tôn, Trương Thị Xuân Liên

28. Kết quả xét nghiệm PCR chẩn đoán sớm nhiễm HIV cho trẻ dưới 18 tháng tuổi sinh ra từ bà mẹ nhiễm HIV ở khu vực Nam Trung bộ, Tây Nguyên và miền Nam năm 2014.

Early detection by DNA-PCR of HIV infection among infants under 18 months born to HIV-infected mothers in South Central, Highland and South Vietnam, 2010-2014

Vũ Xuân Thịnh, Trần Tôn, Nguyễn Tường Vi, Lương Quế Anh, Hoàng Thị Hồng Hoa, Trương Thị Xuân Liên

29. Khảo sát sự tương quan giữa tải lượng HIV và biến động các tế bào miễn dịch trong máu bệnh nhân nhiễm HIV chưa điều trị ARV.

Correlation between HIV viral load and variation of immunological cell populations in HIV patients naïve to ARV

Cao Thị Thu Cúc, Trần Tôn, Lương Quế Anh, Vũ Xuân Thịnh, Đỗ Thị Ngọc Thảo, Lê Chí Thanh.

30. Chất lượng điều trị ARV sau lồng ghép điều trị ARV, điều trị các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone, tư vấn xét nghiệm HIV tại hai quận TP. Hồ Chí Minh.

Quality of ARV care and treatment after after intergrated care and treatment, methadone treatment, HIV counseling and testing programs at two districts in Ho Chi Minh city

Tiêu Thị Thu Vân, Văn Hùng, Nguyễn Thị Thu Thảo

31. Vai trò của các chỉ số cận lâm sàng trong tiên lượng khả năng đáp ứng điều trị trên bệnh nhân nhi nhiễm HIV.

Role of clinical and subclinical markers in the ability to prognose the treatment response in HIV-infected children.

Đặng Vũ Phương Linh, Lê Thị Kim Ánh, Trần Hữu Bích, Đặng Minh Diễm, Lê Thanh Hải, Nguyễn Văn Lâm, Nguyễn Phương Thoa, Phan Thị Quỳnh, Phạm Việt Hùng

32. Khảo sát thực trạng hệ thống quản lý chất lượng tại các phòng xét nghiệm khẳng định trường hợp HIV dương tính tại khu vực phía Nam bằng bộ công cụ SLIPTA.

Using SLIPTA checklist for quality management situation auditing of southern HIV/AIDS confirmatory laboratory.

Nguyễn Đức Trúc, Trần Tôn, Lê Chí Thanh, Vũ Xuân Thịnh, Lương Quế Anh, Lê Duy Hoàng Chương, Trương Thị Xuân Liên

33. Các yếu tố liên quan đến xét nghiệm HIV ở 2.500 phụ nữ mại dâm tại khu vực phía Nam, 2010.

Factors associated with ever HIV testing among 2,500 female sex workers in southern Vietnam, 2010.

Trần Phúc Hậu, Phạm Đăng Đoàn Thùy, Phạm Duy Quang, Phạm Thị Minh Hằng, Nguyễn Duy Phúc, Khuru Văn Nghĩa, Trần Kim Long, Phan Trọng Lân, Nguyễn Vũ Thượng.

34. Chiều hướng hiện nhiễm HIV, kiến thức và hành vi ở phụ nữ mại dâm 5 tỉnh Tây Nam Bộ, 2006 – 2013.

Trends of HIV prevalence, related knowledge and behaviors among female sex workers in south-western provinces in Vietnam, 2006-2013.

Khuu Văn Nghĩa, Trần Phúc Hậu, Nguyễn Duy Phúc, Phạm Duy Quang, Lê Văn Việt, Phan Trọng Lâm, Nguyễn Vũ Thượng.

35. Xét nghiệm HIV ở nam nghiện chích ma túy tại khu vực phía Nam.

HIV testing among male injecting drug users in southern Vietnam.

Nguyễn Duy Phúc, Khuu Văn Nghĩa, Trần Phúc Hậu, Nguyễn Thị Bích Hồng, Nguyễn Văn Cường, Nguyễn Hoàng Việt, Nguyễn Vũ Thượng.

36. Các yếu tố liên quan đến việc sử dụng bao cao su với phụ nữ mại dâm ở nam nghiện chích ma túy 7 tỉnh khu vực phía Nam, 2009 – 2010.

Correlation of consistent condom use with female sex workers among injecting drug users in 7 southern provinces, 2009-2010.

Nguyễn Vũ Thượng, Khuu Văn Nghĩa, Nguyễn Duy Phúc, Vũ Đình Tuyền, Lê Thị Kim Thoa, Trần Ngọc Hữu, Trần Phúc Hậu

37. Tình hình sử dụng dịch vụ chẩn đoán và điều trị sớm nhiễm khuẩn lây qua đường tình dục ở phụ nữ mại dâm khu vực phía Nam Việt Nam.

Health-seeking behaviours for sexually transmitted infections among female sex workers in south of Vietnam.

Nguyễn Vũ Thượng, Phạm Duy Quang, Nguyễn Duy Phúc, Khuu Văn Nghĩa, Trần Trung Tá, Bùi Minh Kha, Trần Phúc Hậu, Phan Trọng Lâm.

38. Triển khai chương trình ngoại kiểm cho xét nghiệm đếm tế bào T CD4 tại Việt Nam. Implementation of external quality assessment on T CD4 count testing in Vietnam.

Lê Chí Thanh, Đỗ Thị Ngọc Thảo, Cao Thị Thu Cúc, Nguyễn Việt Nga, Phan Thị Thu Hương, Trần Tôn, Trương Thị Xuân Liên

39. Nghiên cứu giá trị các men gan ALT, AST và tỉ số AST/ALT trong tiên đoán bệnh gan nhiễm mỡ không do rượu.

Liver enzymes ALT, AST and AST/ALT ratio in diagnosing nonalcoholic fatty liver diseases.

Phan Thị Ngọc Hân, Nguyễn Thị Kim Ngọc, Nguyễn Như Thủy, Ngô Thị Loan, Nguyễn Thị Anh Đào, Vương Thị Thiên Phước, Đỗ Hạnh Hải Hoàng, Nguyễn Đức Trúc, Phạm Thanh Hằng, Nguyễn Minh Ngọc, Trần Quang Ngọc, Hoàng Tương Giao, Nguyễn Đức Minh, Cao Hữu Nghĩa

40. Phương trình dự báo ALT theo AST và ngưỡng dương tính của AST, ALT và AST/ALT trong chẩn đoán gan nhiễm mỡ không do rượu.

Predicted function of ALT according to AST and positive threshold of AST, ALT and AST/ALT ratio in nonalcoholic fatty liver diseases.

Nguyễn Thị Thanh Tĩnh, Cao Hữu Nghĩa

41. Biến đổi các chỉ số sinh hóa và vi rút sau 12 tháng điều trị bằng thuốc kháng vi rút ETV trên bệnh nhân viêm gan siêu vi B mạn tại viện Pasteur TP. Hồ Chí Minh.

The change of biochemical and viral indexes after 12 months treatment by ETV antiviral drug on chronic hepatitis B in Pasteur Institute in Ho Chi Minh city.

Nguyễn Việt Thịnh, Huỳnh Văn Bé Phương, Đinh Văn Thới, Nguyễn Thị Thu Hương, Cao Hữu Nghĩa, Nguyễn Thị Thu Thủy.

42. Khảo sát gen CMY-2, bla_{OXA-1}, bla_{IMP} và bla_{NDM-1} của *Klebsiella pneumonia* phân lập được trên các mẫu bệnh phẩm thu thập tại viện Pasteur TP. Hồ Chí Minh.

Research on CMY-2, bla_{OXA-1}, bla_{IMP} và bla_{NDM-1} genes of *Klebsiella pneumonia* identified from the specimens collected at Pasteur Institute in Ho Chi Minh city.

Cao Hữu Nghĩa, Vũ Lê Ngọc Lan

43. Xác định tỷ lệ kháng kháng sinh và phát hiện gen kháng bla_{VIM2}, bla_{SIM1}, bla_{NDM-1} của *Pseudomonas aeruginosa* phân lập được trên bệnh phẩm thu thập tại viện Pasteur TP.HCM.

Identification on antibiotic resistance prevalence and the bla_{VIM2}, bla_{SIM1}, bla_{NDM-1} genes of *Pseudomonas aeruginosa* isolates from specimens collecting in Pasteur Institute in HCMC.

Cao Hữu Nghĩa, Ông Nguyễn Đức Ninh

44. Phân tích di truyền một số yếu tố quyết định tính kháng kháng sinh trên các chủng *Shigella* đa kháng thuốc ở TP. HCM, 2012 – 2013.

Genetic analysis of several antibiotic-resistance determinants in multidrug-resistant *Shigella* isolates in HCMC, 2012 – 2013.

Nguyễn Quang Trường, Bùi Xuân Vũ, Diệp Thế Tài, Nguyễn Hoàng Vũ, Nguyễn Thị Ngọc Nhi, Nguyễn Ngọc Anh Thư, Nguyễn Văn Thương, Ân Khắc Huy, Nguyễn Thị Phương Lan.

45. Sự hiện diện hệ thống tiết số 3 và tính kháng kháng sinh của *Vibrio cholera* non O1/ non O139 tại khu vực phía Nam và tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam, 2010 – 2013.

Type three secretion system and antibiotic resistance in *Vibrio cholera* non O1/ non O139 strains in Southern and Lam Dong province, Vietnam, 2010 – 2013.

Vũ Phạm Hồng Nhung, Nguyễn Hoàng Vũ, Nguyễn Ngọc Anh Thư, Phan Thập Huy, Phan Thị Trà My, Ngô Thị Huệ, Nguyễn Quốc Huy, Nguyễn Quang Trường, Nguyễn Văn Thương, Nguyễn Thị Ngọc Nhi, Cao Hữu Nghĩa, Diệp Thế Tài, Nguyễn Thị Phương Lan.

CHƯƠNG 3:

VẮC XIN VÀ CÁC VẤN ĐỀ Y TẾ KHÁC

VACCINE AND OTHER PUBLIC HEALTH ISSUES

46. Tỷ lệ tiêm chủng vắc xin Quinvaxem và các yếu tố liên quan ở trẻ em từ 4 – 6 tháng tuổi tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

Factors associated with Quinvaxem vaccine coverage among children aged 4-6 months in Thua Thien Hue province.

Nguyễn Văn Hòa, Nguyễn Thị Nga, Trần Đại Tri Hãn, Trần Thị Anh Đào, Nguyễn Thị Hương, Đinh Thanh Huệ, Trần Xuân Minh Trí.

47. Đặc điểm dịch tễ và các yếu tố nguy cơ trong vụ dịch bạch hầu tại huyện K'Bang tỉnh Gia Lai.

Epidemiological characteristics and risk factors of diphtheria outbreak in K'bang district, Gia Lai province.

Phạm Văn Doanh, Phạm Thọ Dược, Vũ Ngọc Long, Đỗ Thị Hồng Hiền, Nguyễn Quang Vinh, Ngô Thị Tú Thủy, Ra Lan Tố Hoa, Lý Thị Thùy Trang, Hà Thị Ninh, Tony Mouths.

48. Đặc điểm dịch tễ và lâm sàng ở trẻ mắc viêm não Nhật bản tại khu vực phía Nam.

Epidemiological and clinical characteristics of children with Japanese encephalitis in southern Vietnam.

Phan Thị Quỳnh Trâm, Phan Trọng Lâm, Hồ Vĩnh Thắng, Phạm Duy Quang, Huỳnh Thị Kim Loan, Hoàng Anh Thắng, Nguyễn Diệu Thúy, Võ Ngọc Quang, Trương Hữu Khanh, Trịnh Hữu Tùng, Phan Công Hùng, Nguyễn Vũ Thương.

49. Đặc điểm dịch tễ học và lâm sàng các trường hợp bệnh ho gà tại khu vực phía Nam.

Epidemiological and clinical characteristics of children with pertussis in southern Vietnam.

Hoàng Anh Thắng, Nguyễn Diệu Thúy, Hồ Vĩnh Thắng, Châu Văn Lượm, Võ Ngọc Quang, Phan Thị Quỳnh Trâm, Nguyễn Thị Kim Hoàng, Võ Thị Trang Đài, Phạm Thị Hoan, Phan Trọng Lâm, Nguyễn Vũ Thương.

50. Mạng lưới điểm tiêm và nhân sự tham gia dự án khống chế và loại trừ bệnh dại khu vực phía Nam năm 2014.

Immunization site network and personnel participating in the project of rabies control and elimination in the South of Vietnam in 2014

Hoàng Thị Liên, Trần Anh Tuấn, Phan Công Hùng, Phan Trọng Lâm, Cao Hữu Nghĩa, Nguyễn Thị Phương Thúy.

51. Hiệu lực và hiệu quả thuốc phối hợp Dihydroartemisinin – Piperaquine trong điều trị sốt rét do *Plasmodium falciparum* chưa biến chứng tại xã Hàm Càn, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

Efficacy and effectiveness of Dihydroartemisinin plus Piperaquine combination therapy in the treatment for uncomplicated malaria caused by *Plasmodium falciparum* at Ham Can commune, Ham Thuan Nam district, Binh Thuan province.

Huỳnh Hồng Quang, Bùi Quang Phúc

52. Đánh giá năng lực thực hiện nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng vắc xin của một số tỉnh phía Nam.

Evaluation of capacity to conduct vaccine clinical trials of some southern provinces.

Lê Thị Tường Vy, Đoàn Ý Uyên, Trần Thị Thu Hà, Trần Thị Kim Ngân, Lương Chấn Quang, Nguyễn Trọng Toàn.

53. Đặc điểm các trường hợp nhập viện trong một nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng vắc xin trên trẻ nhũ nhi.

Characteristics of infant hospital admissions in a vaccine trial.

Nguyễn Trọng Toàn, Trần Thị Kim Ngân, Lê Thị Tường Vy, Đoàn Ý Uyên, Trần Ngọc Hữu, Kim Mul Holland.

54. Bước đầu đánh giá tính sinh miễn dịch và tính an toàn của vắc xin Nicotine đường mũi trên mô hình động vật.

Initial evaluation of immunogenicity and safety of intranasal nicotine vaccine on animal models.

Trần Khánh Linh, Nguyễn Thị Yến Nhi, Lê Hà Tâm Dương, Đặng Trịnh Minh Anh, Lê Hoàng Thành, Cao Thị Bảo Vân.

55. Kết quả áp dụng mô hình cải tiến chất lượng (PDCA) vào hoạt động khoa LAM, viện Pasteur TP.Hồ Chí Minh, năm 2014.

Application of PDCA quality improvement model in activity of LAM department, Pasteur Institute in Ho Chi Minh city in 2014.

Cao Hữu Nghĩa, Nguyễn Ngọc Anh Tuấn

56. Đánh giá và đề xuất cải tiến hoạt động khoa khám bệnh tại Bệnh viện Quân Y 7A

Assessment and proposed improvements on operating at out-patient department of 7A military hospital.

Ngô Thị Bích Phượng, Phan Trọng Lâm, Nguyễn Thị Na, Hoàng Quốc Cường

57. Thực trạng quản lý nguồn nhân lực bệnh viện Nhân dân Gia định

The status of human resource management at Nhan Dan Gia Dinh hospital.

Nguyễn Bình An, Phan Trọng Lâm, Nguyễn Thị Na, Hồ Xuân Nguyên, Hoàng Quốc Hòa, Hoàng Quốc Cường

- 58. Chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng nước ngoài tại bệnh viện Đại học Y Dược TP.Hồ Chí Minh và bệnh viện Chợ Rẫy năm 2014**
Quality of foreigner customer care services at the university medical center Ho Chi Minh city and Cho Ray hospital in 2014
Nguyễn Lê Khánh Hạ, Trần Kim Phượng, Hoàng Quốc Cường
- 59. Xây dựng biểu đồ tự theo dõi huyết áp dành cho người bệnh và đánh giá hiệu quả ban đầu trong tăng cường theo dõi huyết áp và tuân thủ điều trị**
Build blood pressure self-monitoring chart for patients and evaluate the effectiveness of the blood pressure monitoring and treatment compliancing.
Trần Thị Mỹ Hạnh
- 60. Tự đánh giá tác động của di chứng tai biến mạch máu não đến đời sống tinh thần của người bệnh nội trú tại Bệnh viện Y học cổ truyền Đông Tháp.**
Self-reported spiritual life of stroke sequelae of inpatient at Dong Thap Traditional Medicine Hospital.
Hoàng Thy Nhạc Vũ, Nguyễn Thị Thu Thảo, Bạch Văn Mút
- 61. Sự hiểu biết về dự phòng tăng huyết áp ở người cao tuổi tại phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh**
Knowledge on hypertension prevention among the elderly in Binh Chieu ward, Thu Duc district, Ho Chi Minh city
Hoàng Thy Nhạc Vũ, Nguyễn Thị Quỳnh Nga
- 62. Giá trị, độ tin cậy của thang đo trầm cảm rút gọn (CES-D) và thang đo trầm cảm sau sinh Edinburgh (EPDS) của phụ nữ sau sinh tại TP. Huế, Thừa Thiên Huế, Việt Nam**
Validity and reliability of the Edinburgh postnatal depression scale on postnatal women in Hue city, Thua Thien Hue province, Vietnam.
Lê Tống Giang, Michael Dunne, Linda Murray, Đào Hoàng Bách, Trần Minh Hoàng.
- 63. Xác định hạn sử dụng của môi trường nuôi cấy vi sinh dạng rắn được chế tại tại phòng Môi trường – viện Pasteur TP. Hồ Chí Minh 2014.**
Validation of expired dates of microbiological culture solid media prepared at the culture media preparation laboratory, Pasteur Institute in Ho Chi Minh city , 2014.
Võ Thị Mỹ Duyên, Tân Thị Ngọc Bích, Nguyễn Thị Nhật Lệ, Lưu Ngọc Thanh Nguyệt, Huỳnh Thu Hà, Cao Hữu Nghĩa, Trần Văn Hải
- 64. Đánh giá chất lượng nước dùng cho sinh hoạt được kiểm nghiệm tại viện Pasteur TP. Hồ Chí Minh 2014**
Evaluation of domestic water quality analysed at Pasteur Institute in Ho Chi Minh city in 2014.
Nguyễn Thị Nguyệt, Trần Thanh Sơn, Nguyễn Văn Trí, Vương Xuân Vân, Trần Thị Thúy Hằng, Nguyễn Thị Lệ Hồ, Phạm Minh Thu, Nguyễn Thanh Hương, Võ Minh Thành, Hoàng Thị Thu Hương, Phạm Kim Chi, Trần Quang Đạt, Trương Thị Thúy Lan, Nguyễn Duy Anh, Cao Thị Bình, Phạm Vũ Cao Sơn, Nguyễn Ngọc Anh Tuấn, Cao Hữu Nghĩa
- 65. Đánh giá sự kết hợp giữa phức hợp hạt từ gắn kháng thể kháng *Salmonella* spp. tự chế tạo với môi trường thạch màu SCA để phân lập *Salmonella* trong thực phẩm**
Evaluation of immunomagnetic beads linked anti-Salmonella antibodies fabrication in combination with Salmonella chromogenic agar to isolate *Salmonella* spp. in food.
Đỗ Thị Kim Yến, Dương Ngọc Diễm, Nguyễn Thị Nguyệt, Nguyễn Lý Hoàng Ngân, Nguyễn Đỗ Phúc, Nguyễn Thị Nguyệt Thu
- 66. Đánh giá khả năng phát hiện *Salmonella* trên mẫu thực phẩm có hệ vi sinh vật nền cao bằng phương pháp miễn dịch từ kết hợp nuôi cấy**

Evaluation of detecting *Salmonella* in foods containing high background microflora by conventional method combined with immunomagnetic separation.

Đỗ Thị Kim Yến, Dương Ngọc Diễm, Võ Thị Mỹ Duyên, Nguyễn Lý Hoàng Ngân, Nguyễn Đỗ Phúc, Nguyễn Thị Nguyệt Thu

67. Xác định ô nhiễm mầm bệnh sán lá gan nhỏ truyền bệnh cho người trên một số loài cá nuôi tại thị trấn Rạng Đông, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

Lương Thị Phương Lan, Nguyễn Văn Đê, Nguyễn Đình Dũng.

68. Phát hiện *Vibrio cholera* O1 trong mẫu thực phẩm và mẫu nước môi trường bằng PCR nano.

Detection of *Vibrio cholera* O1 from food and environment samples based on PCR nano.

Diệp Thế Tài, Jong Hyun Kim

69. Đặc điểm dịch tễ vụ dịch tiêu chảy tại huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh, 2014.

Epidemiological characteristics of diarrhea outbreak at Binh Chanh district, Ho Chi Minh city, 2014

Đoàn Ngọc Minh Quân, Nguyễn Thị Phương Thúy, Phan Công Hùng, Nguyễn Quốc Huy, Nguyễn Hoàng Vũ, Hồ Thị Thiên Ngân, Nguyễn Quang Trường, Phan Thị Ngọc Uyên, Cao Hữu Nghĩa, Phan Trọng Lân.

70. Thực hành phòng bệnh tay chân miệng tại cộng đồng: nghiên cứu cắt ngang tại khu vực phía Nam năm 2014.

Practice in HFMD prevention in community: a cross sectional study in southern Vietnam, 2014

Hồ Thị Thiên Ngân, Bùi Hồng Loan, Phan Thanh Bình, Phan Công Hùng, Nguyễn Minh Ngọc, Nguyễn Văn Lân, Trần Văn Sáng, Nguyễn Thị Bạch Tuyết, Phạm Thị Xuân Yến, Nguyễn Trọng Bài, Nguyễn Anh Linh, Nguyễn Thế An, Nguyễn Thị Biên, Nguyễn Thị Vui, Nguyễn Hữu Dũng, Trần Thung, Nguyễn Thị Mộng Ánh, Nguyễn Văn Lơ, Huỳnh Thanh Tân, Nguyễn Ngọc Thắng, Lê Văn Tuấn.

71. Sự hài lòng của bệnh nhân và người nhà đến khám bệnh, tiêm ngừa và xét nghiệm tại viện Pasteur TP. Hồ Chí Minh.

The satisfaction of patients and family members to examination, vaccination and examination services at Pasteur Institute in Ho Chi Minh city.

Nguyễn Ngọc Anh Tuấn, Tô Thị Hương, Lê Viêt Dũng, Cao Hữu Nghĩa